
TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA
MÔN: THIẾT LẬP VÀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tài liệu học tập (TLHT): Giáo trình Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư (2012),

Tác giả: TS. Nguyễn Quang Thu, Nhà xuất bản Thống kê.

A. CÁC NỘI DUNG TRỌNG TÂM

Chương 1: Tổng quan về Thiết lập và Thẩm định dự án

- Đầu tư.
- Dự án đầu tư.
- Chu trình dự án đầu tư.
- Thẩm định dự án đầu tư.

Chương 5: Phân tích tài chính dự án

- Các thông số cơ bản của dự án.
- Các công cụ tài chính dùng để phân tích ngân lưu dự án.
- Xử lý một số biến cơ bản trong kế hoạch ngân lưu.
- Các quan điểm khác nhau trong việc xây dựng kế hoạch ngân lưu dự án.

Chương 6: Các chỉ tiêu đánh giá và lựa chọn dự án

- Suất chiết khấu.
- Các chỉ tiêu đánh giá dự án.
- Lựa chọn các chỉ tiêu để đánh giá và so sánh các dự án.

Chương 7: Tác động của lạm phát đến phân tích ngân lưu dự án

- Các vấn đề cơ bản liên quan đến lạm phát.
- Tác động của lạm phát đến các yếu tố dự án.

Chương 8: Phân tích rủi ro trong thẩm định dự án

- Tại sao phải phân tích rủi ro
- Các phương pháp sử dụng trong phân tích rủi ro dự án.

B. CÁCH THỨC ÔN TẬP

Chương 1: Tổng quan về Thiết lập và Thẩm định dự án

- **Đầu tư**
 - Các khái niệm cần nắm vững: khái niệm và đặc điểm của đầu tư.
 - Đọc TLHT trang 5-6.
- **Dự án đầu tư**
 - Các khái niệm cần nắm vững: khái niệm, yêu cầu của một dự án đầu tư, phân loại dự án đầu tư.
 - Đọc TLHT trang 11-14.
- **Chu trình dự án đầu tư**
 - Các khái niệm cần nắm vững: các giai đoạn trong chu trình dự án đầu tư, đặc biệt là 3 giai đoạn đầu tiên (trong thời kỳ chuẩn bị đầu tư).
 - Đọc TLHT trang 18-25.
 - *Lưu ý:* 2 giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi và nghiên cứu khả thi có cùng các nội dung phân tích sau (nhưng khác nhau ở chất lượng thông tin):
 - + Phân tích thị trường (chương 2)
 - + Phân tích kỹ thuật (chương 3)
 - + Phân tích nhân lực (chương 4)
 - + Phân tích tài chính (chương 5)

} *chỉ cần đọc để hiểu được ý nghĩa*

} *cần nắm vững để làm được bài thi*
- **Thẩm định dự án đầu tư**
 - Các khái niệm cần nắm vững: khái niệm, lý do phải thẩm định dự án, vai trò của thẩm định dự án đầu tư.
 - Đọc TLHT trang 25-33.

Chương 5: Phân tích tài chính dự án

- **Các thông số cơ bản của dự án**
 - Các khái niệm cần nắm vững: dự tính tổng vốn đầu tư, dự trữ nguồn ngân quỹ, dự kiến doanh thu hàng năm, dự kiến chi phí hàng năm, các thông số khác.
 - Đọc TLHT trang 81-88.

- Xem ví dụ 5.1, trang 87.
- **Các công cụ tài chính dùng để phân tích ngân lưu dự án.**
 - Cách lập các bảng tính sau cần phải nắm vững: bảng kế hoạch đầu tư, bảng kế hoạch khấu hao, bảng kế hoạch trả nợ, bảng tính doanh thu, bảng dự kiến chi phí sản xuất, chi phí quản lý và chi phí bán hàng, bảng kế hoạch lãi lỗ (báo cáo thu nhập), và bảng kế hoạch ngân lưu dự án.
 - *Lưu ý:* phần này luôn có trong nội dung thi ở phần bài tập, mỗi bảng kế hoạch thường chiếm 1 điểm, học viên cần nắm vững cách thức lập các bảng tính trên.
 - Đọc TLHT trang 88 - 100.
 - Xem các bảng từ 5.2 đến 5.7 để hiểu cách thức lập các bảng kế hoạch.
 - Xem phần bài tập ở đề thi mẫu 1 và 2 (trang 6-11) để thực hành.
- **Xử lý một số biến cơ bản trong kế hoạch ngân lưu.**
 - Các khái niệm cần nắm vững: xử lý khấu hao (chỉ sử dụng phương pháp khấu hao đường thẳng), khoản thu so sánh với doanh thu bán hàng, khoản chi so sánh với khoản mua, tiền mặt, giá trị thanh lý tài sản, chi phí chìm của dự án, xử lý các chi phí lịch sử, chi phí đất đai, xác định giá trị còn lại năm cuối cùng khi kết thúc dự án (*lưu ý đối với hạng mục đất đai*), ngân lưu tài trợ và lãi vay.
 - Đọc TLHT trang 100-110.
 - Xem phần bài tập ở đề thi mẫu 1 và 2 (trang 6-11) để kiểm tra kiến thức.
- **Các quan điểm khác nhau trong việc xây dựng kế hoạch ngân lưu dự án.**
 - Các khái niệm cần nắm vững: quan điểm tổng đầu tư (TIP) và quan điểm chủ đầu tư (EPV).
 - Đọc TLHT trang 110-118.

Chương 6: Các chỉ tiêu đánh giá và lựa chọn dự án

- **Suất chiết khấu.**
 - Các kiến thức cần nắm vững: khái niệm giá trị của tiền tệ theo thời gian, phương pháp tích lũy, phương pháp chiết khấu, định nghĩa suất chiết khấu trong dự án, lựa chọn suất chiết khấu cho các dự án đầu tư (bỏ qua phần thêm tỷ lệ rủi ro và tỷ lệ lạm phát vào suất chiết khấu).
 - Đọc TLHT trang 119-128.
 - Ghi nhớ công thức 6.1, 6.2, 6.3, 6.4 và xem ví dụ 6.1 để biết cách tính hiện giá ròng của một dự án đầu tư.
 - Ghi nhớ công thức 6.5 và xem ví dụ 6.3 để biết cách tính suất chiết khấu cho dự án.

- **Các chỉ tiêu đánh giá dự án.**

- Các kiến thức cần nắm vững: các chỉ tiêu NPV, IRR, B/C, DPP.
 - Hiện giá thu nhập thuần (NPV): khái niệm, cách tính (công thức 6.9) và quy tắc đánh giá dự án bằng chỉ tiêu hiện giá ròng.
 - Suất sinh lời nội bộ (IRR): khái niệm, ý nghĩa của IRR, quy tắc đánh giá dự án bằng IRR, cách tính IRR bằng phương pháp nội suy (công thức 6.15 trang 140).
 - Tỷ số lợi ích - chi phí (B/C): khái niệm, cách tính (công thức 6.11 và 6.12), quy tắc đánh giá dự án.
 - Thời gian hoàn vốn có chiết khấu (DPP): khái niệm, cách tính (công thức 6.20), quy tắc đánh giá dự án.
- Đọc TLHT trang 128-148.

- **Lựa chọn các chỉ tiêu để đánh giá và so sánh các dự án.**

- Đọc TLHT trang 148-158.

Chương 7: Tác động của lạm phát đến phân tích ngân lưu dự án

- Các vấn đề cơ bản liên quan đến lạm phát.
 - Các kiến thức cần nắm vững:
 - Các định nghĩa về giá: phân biệt giá thực và giá danh nghĩa.
- Tác động của lạm phát đến các yếu tố dự án.
 - Các kiến thức cần nắm vững: những hạng mục nào lạm phát có tác động trực tiếp/gián tiếp và tích cực/tiêu cực đến ngân lưu dự án. (Ví dụ: lạm phát làm tăng chi phí của việc sử dụng tiền mặt và có tác động trực tiếp, tiêu cực đối với ngân lưu dự án).

Chương 8: Phân tích rủi ro trong thẩm định dự án

- Tại sao phải phân tích rủi ro.
 - Các kiến thức cần nắm vững: tại sao phải phân tích rủi ro, các bước phân tích rủi ro tài chính, lợi ích và hạn chế của phân tích rủi ro.
 - Đọc TLHT trang 182-183.
- Các phương pháp sử dụng trong phân tích rủi ro dự án.
 - Các kiến thức cần nắm vững: chỉ cần nắm có 3 phương pháp phân tích rủi ro thông dụng nhất, đó là: phân tích độ nhạy, phân tích tình huống, và phân tích mô phỏng (Monte Carlo).

C. HƯỚNG DẪN LÀM BÀI KIỂM TRA

a/ Hình thức kiểm tra và kết cấu đề

Đề kiểm tra có thể bao gồm hai phần: lý thuyết và bài tập.

- Phần 1: lý thuyết (2 điểm), tập trung ở tất cả các chương trong nội dung trọng tâm ôn tập (chương 1, 5, 6, 7, 8), dưới 3 hình thức chính:
 - Tự luận (tham khảo ở đề mẫu 1, trang 6)
 - Câu hỏi đúng sai (tham khảo ở đề mẫu 2, trang 9)
 - Trắc nghiệm (Chọn câu trả lời đúng nhất và điền vào bảng trả lời)
- Phần 2: bài tập (8 điểm), tập trung ở hai chương 5 và 6, sẽ gồm thông tin về một dự án đầu tư nhỏ với các thông số tài chính cụ thể được cho sẵn, yêu cầu học viên: lập các bảng tính, tính toán các chỉ tiêu thẩm định dự án, kết luận về kết quả đã tính được (tham khảo ở đề mẫu 1 và 2, trang 6-11).

b/ Hướng dẫn cách làm bài phần lý thuyết

- Nội dung kiểm tra phần lý thuyết đều nằm trong TLHT và thi đề mở, học viên được sử dụng tài liệu giấy, do đó không cần học thuộc lòng phần này. Tuy nhiên, việc ôn tập và nắm vững nội dung lý thuyết sẽ giúp học viên hiểu bài và làm tốt cả hai phần 1 và 2, nếu không học viên sẽ mất rất nhiều thời gian để tìm câu trả lời và không kịp làm bài tập ở phần 2.
- Đối với hình thức kiểm tra lý thuyết thông qua câu hỏi trắc nghiệm, học viên chọn câu trả lời đúng nhất và điền vào phiếu bài làm.

c/ Hướng dẫn làm bài phần tự luận

- Trước hết phải đọc kỹ các thông số đề bài đưa ra, gạch dưới những con số quan trọng. Xác định rõ tổng chi phí đầu tư ban đầu, hình thức huy động vốn (đảm bảo tổng đầu tư ban đầu và tổng vốn góp phải khớp nhau), vốn vay và chi phí lãi vay, vốn chủ và chi phí vốn chủ, vòng đời của dự án, năm thanh lý (n hay $n + 1$), doanh thu dự án từ đâu, các loại chi phí sản xuất, chi phí quản lý và bán hàng, vốn lưu động, và thuế suất.
- Chú ý chọn đơn vị tiền tệ thống nhất và phù hợp. Không sử dụng đơn vị quá lớn vì khi làm tròn sẽ gây sai số nhiều (ví dụ đơn vị là tỷ đồng). Không nên chọn đơn vị quá bé sẽ mất nhiều thời gian để ghi con số (ví dụ đơn vị là đồng).
- Có những bảng tính không cần theo thứ tự và câu dễ có thể làm trước, tuy nhiên có những bảng tính yêu cầu phải làm theo trật tự bởi vì nó cần có thông tin của các bảng tính trước đó.
 - Ví dụ: bảng kế hoạch khấu hao, bảng kế hoạch trả nợ, bảng tính doanh thu có thể không làm theo thứ tự mà ưu tiên câu dễ làm trước. Nhưng để làm được bảng kế hoạch lãi lỗ (báo cáo thu nhập) thì bắt buộc các bảng kế hoạch khấu hao, bảng kế

hoạch trả nợ, bảng tính doanh thu, bản tính chi phí sản xuất, chi phí quản lý và bán hàng bắt buộc phải làm trước (nếu học viên làm báo cáo thu nhập trước các bảng tính trên chúng tỏ học viên chép bài và không được tính điểm).

- Hoặc chi phí vốn bình quân trọng số (WACC) có thể tính trước nếu đã có thông tin cho sẵn về cơ cấu vốn và chi phí vốn vay, chi phí vốn chủ.
- Một số lưu ý khác: Bảng tính khấu hao: là bảng tính đơn giản giúp học viên lấy điểm, tuy nhiên cần xác định chính xác nguyên giá và thời gian hữu dụng của tài sản, và cũng lưu ý là đất đai không được tính vào tài sản khấu hao vì đất đai có tính tăng trị theo thời gian. Tương tự, bảng tính kế hoạch trả nợ gốc và lãi: cần đọc rõ câu hỏi là hình thức trả nợ gốc đều hay trả nợ đều.

D. ĐỀ THI MẪU VÀ ĐÁP ÁN

Đề thi mẫu (1)

Môn: **THIẾT LẬP VÀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Thời gian làm bài: 90 phút

Phần I. LÝ THUYẾT (2 điểm)

Câu 1. Ý nghĩa của suất sinh lời nội bộ IRR là gì? (1 điểm)

Câu 2. Phân biệt quan điểm tổng đầu tư (TIP) và quan điểm chủ đầu tư (EPV) trong xây dựng báo cáo ngân lưu. (1 điểm)

PHẦN II. BÀI TẬP (8 điểm)

Một dự án sản xuất, đầu tư vào năm 0, hoạt động trong 3 năm tiếp theo và thanh lý tài sản vào năm thứ 4. Dự án có các thông số tài chính cơ bản như sau:

1. Nhu cầu vốn và nguồn vốn

STT	Khoản mục	Tiền (Triệu đồng)	Ghi chú
I	Nhu cầu vốn	40.000	Đầu tư năm 0
1	Đất đai	14.000	mua
2	Máy móc thiết bị (MMTB)	26.000	Tuổi thọ MMTB là 10 năm
II	Nguồn vốn	40.000	
1	Vốn chủ sở hữu	19.000	47,50%
2	Vốn vay	21.000	52,50%

2. Sản lượng, giá bán và chi phí hàng năm

STT	Khoản mục	Năm 1	Năm 2	Năm 3
1	Sản lượng (ĐVSP)	50.000	55.000	60.000
2	Giá bán (Triệu đồng/ ĐVSP)	1	1,2	1,3
3	Chi phí hoạt động chưa kể khấu hao/Doanh thu	60%	60%	60%

3. Các thông số khác của dự án

STT	Khoản mục	Giá trị
1	Lãi suất vay ngân hàng	12%/năm
2	Số kỳ trả nợ gốc đều (trả lãi theo lãi phát sinh hàng năm)	3 năm
3	Chi phí vốn chủ sở hữu	20%
4	Tỷ lệ khoản phải thu/ Doanh thu	20%
5	Tỷ lệ tồn quỹ tiền mặt/ Doanh thu	10%
6	Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%

YÊU CẦU

Câu 1. Lập bảng khấu hao. (1 điểm)

Câu 2. Lập bảng kế hoạch trả nợ gốc và lãi. (1 điểm)

Câu 3. Lập bảng tính doanh thu và chi phí hàng năm. (1 điểm)

Câu 4. Lập bảng tính thay đổi vốn lưu động. (1 điểm)

Câu 5. Lập báo cáo thu nhập dự trù. (1 điểm)

Câu 6. Lập báo cáo ngân lưu theo quan điểm tổng đầu tư (TIP). (1 điểm)

Câu 7. Tính chi phí vốn bình quân trọng số (WACC) theo cơ cấu vốn năm 0. (1 điểm)

Câu 8. Tính NPV theo quan điểm tổng đầu tư (TIP) và kết luận. (1 điểm)

Đáp án Đề thi mẫu (1)

Môn: **THIẾT LẬP VÀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Phần I. LÝ THUYẾT (2 điểm)

Câu 1. Ý nghĩa suất sinh lời nội bộ IRR (TLHT trang 138)

Suất sinh lời nội bộ IRR (Internal Rate of Return) là suất chiết khấu làm cho giá trị hiện tại ròng của dự án = 0. IRR thể hiện suất sinh lời của dự án đầu tư

IRR được sử dụng để mô tả sự hấp dẫn của một dự án. VD: Nếu một dự án có IRR = 15%, điều này có nghĩa là vốn đầu tư vào dự án này sẽ sinh lãi ở mức 15%

IRR cũng được hiểu là tỷ lệ tăng trưởng của dự án đầu tư đặc biệt đối với các dự án chỉ chi tiền một lần trong hiện tại và lợi ích thu được một lần trong tương lai. IRR còn thể hiện mức lãi suất tối đa mà dự án có thể chấp nhận khi huy động nguồn tài trợ đầu tư.

Câu 2. Phân biệt quan điểm TIP và quan điểm EPV (TLHT trang 113-115)

Quan điểm tổng đầu tư (TIP)	Quan điểm chủ đầu tư (EPV)
Quan điểm TIP (còn gọi là quan điểm của ngân hàng) được phân tích trên quan điểm gộp của tất cả những người cấp vốn cho dự án (bao gồm ngân lưu chủ đầu tư và ngân lưu chủ nợ), nhằm đánh giá hiệu quả tổng hợp của dự án căn cứ vào giá trị ngân lưu ròng do dự án tạo ra trong trường hợp có tài trợ.	Khác với TIPV, quan điểm EPV có đề cập thêm ngân lưu tài trợ của dự án: cộng vốn vay ngân hàng như khoản thu tiền mặt, và trừ tiền trả lãi vay và nợ gốc như khoản chi tiền mặt, nhằm đánh giá hiệu quả và rủi ro của vốn chủ trong trường hợp có vay vốn – là căn cứ quan trọng để nhà đầu tư quyết định tài trợ tối ưu đối với dự án.

PHẦN II. BÀI TẬP (8 điểm)

Câu 1. Bảng khấu hao máy móc thiết bị (1 điểm)

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	0	1	2	3	4
Giá trị tài sản đầu kỳ		26000	23400	20800	18200
Khấu hao		2600	2600	2600	
Khấu hao tích lũy		2600	5200	7800	
Giá trị tài sản cuối kỳ	26.000	23400	20800	18200	

Câu 2. Bảng kế hoạch trả nợ gốc và lãi (1 điểm)

ĐVT: triệu đồng

	0	1	2	3
Nợ đầu kỳ		21.000	14.000	7.000
Trả lãi		2.520,0	1.680,0	840,0
Trả nợ , trong đó:		9.520,0	8.680,0	7.840,0
Nợ gốc		7.000	7.000	7.000
Nợ cuối kỳ	21.000	14.000	7.000	-
Ngân lưu nợ vay	21.000	(9.520)	(8.680)	(7.840)

Câu 3. Bảng tính doanh thu và chi phí hàng năm (1 điểm) *ĐVT: triệu đồng*

	0	1	2	3
Sản lượng		50.000	55.000	60.500
Giá bán		1,0	1,2	1,3
Doanh thu		50.000	66.000	78.650
Chi phí hoạt động		30.000	39.600	47.190

Câu 4. Bảng tính thay đổi vốn lưu động (1 điểm)

ĐVT: triệu đồng

	0	1	2	3	4
AR		10.000,0	13.200,0	15.730,0	-
Thay đổi AR		(10.000,0)	(3.200,0)	(2.530,0)	15.730,0
CB		5.000,0	6.600,0	7.865,0	-
Thay đổi CB		5.000,0	1.600,0	1.265,0	(7.865,0)

Câu 5. Báo cáo thu nhập dự trừ (1 điểm)

ĐVT: triệu đồng

	0	1	2	3	4
Tổng doanh thu		50.000	66.000	78.650	
(-) Chi phí hoạt động		30.000	39.600	47.190	
(-) Khấu hao		2.600	2.600	2.600	
EBIT		17.400	23.800	28.860	

(-) Trả lãi vay		2.520	1.680	840	
EBT		14.880	22.120	28.020	
Thuế TNDN (22%)		3.274	4.866	6.164	
Thu nhập ròng (NI)		11.606	17.254	21.856	

Câu 6. BCNL theo quan điểm TIP (1 điểm) ĐVT: triệu đồng

	0	1	2	3	4
Ngân lưu vào	0,0	40000,0	62800,0	76120,0	47930,0
Doanh thu		50.000	66.000	78.650	-
Thay đổi AR		(10.000)	(3.200)	(2.530)	15.730
Giá trị thanh lý đất					14.000,0
Giá trị thanh lý MMTB					18200,0
Ngân lưu ra	40000,0	38845,6	46638,4	55191,4	-7865,0
Chi đầu tư	40.000				
Chi phí hoạt động		30.000,0	39.600,0	47.190,0	-
Thay đổi CB		5.000,0	1.600,0	1.265,0	(7.865,0)
Thuế TNDN		3.274	4.866	6.164	
Ngân lưu ròng (TIP)	-40000,0	1726,4	16733,6	21500,6	55795,0

Câu 7. Tính chi phí vốn bình quân trọng số (WACC) theo cơ cấu vốn năm 0. (1 điểm)

Re	%E	Rd	%D
20,0%	47,5%	12,0%	52,5%
WACC = Re*%E + Rd*%D= 15,80%			

Câu 8. Tính NPV theo quan điểm tổng đầu tư (TIP). (1 điểm) ĐVT: triệu đồng

Ngân lưu ròng (TIP)	-40000,0	1726,4	16733,6	21500,6	55795,0
Hệ số chiết khấu	1	0,86	0,75	0,64	0,56
PV	-40000	1490,846	12478,78	13846,02	31028,52
NPV (TIP)	= 18844,17 triệu đồng > 0: dự án khả thi				

Đề thi mẫu (2)

Môn: **THIẾT LẬP VÀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Thời gian làm bài: 90 phút

Phần I. LÝ THUYẾT (2 điểm)

Câu hỏi Đúng/ Sai (*ghi “Đúng” nếu câu trả lời là đúng, ghi “Sai” nếu câu trả lời là sai và giải thích ngắn gọn*).

1. Khấu hao là một hạng mục của báo cáo ngân lưu theo phương pháp trực tiếp.
2. Chi phí chìm là cơ sở xem xét để ra quyết định trong hiện tại.
3. Dự án loại trừ nhau có thể thực hiện cùng lúc với nhau.
4. Trong phân tích tài chính, thuế là một hạng mục của ngân lưu ra.

PHẦN II. BÀI TẬP (8 điểm)

Một đơn vị sản xuất kẹo đang xem xét mua một máy sản xuất kẹo, chi phí máy móc thiết bị này là 4 tỷ đồng, sẽ cho phép đơn vị này sản xuất ra 80 tấn kẹo mỗi năm. Thời hạn khấu hao của tài sản là 8 năm theo phương thức khấu hao đều. Việc lắp đặt máy móc hoàn thành vào cuối năm 0, dự kiến hoạt động ở 4 năm tiếp theo và thanh lý tài sản vào cuối năm thứ 4.

Giá bán sản phẩm ở năm 1 là 50 ngàn đồng/kg. Chi phí sản xuất ở năm 1 ước tính: 8 triệu/tấn sản phẩm cho tiền điện và nước, 10 triệu đồng/tấn sản phẩm cho tiền lương lao động, và 15 triệu đồng/tấn sản phẩm cho chi phí đầu vào khác.

Chi phí điện nước dự báo sẽ tăng 4% năm, chi tiền lương và chi phí đầu vào khác dự báo sẽ tăng 5% mỗi năm, giá bán tăng 3% mỗi năm.

Dự án sẽ vay 60% chi phí máy móc thiết bị với lãi suất là 10%/năm, kỳ trả nợ gốc đều (trả lãi theo lãi phát sinh hàng năm) là 3 năm, phần vốn còn lại sẽ được tài trợ bởi chủ đầu tư với chi phí vốn chủ là 12%. Dự án chỉ được thực hiện nếu thời gian hoàn vốn trong vòng 3 năm tính từ thời gian bắt đầu hoạt động.

Thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%/năm

YÊU CẦU

- Câu 1. Lập bảng khấu hao. (1 điểm)
- Câu 2. Lập bảng kế hoạch trả nợ gốc và lãi. (1 điểm)
- Câu 3. Lập bảng tính doanh thu và chi phí hàng năm. (1 điểm)
- Câu 4. Lập báo cáo thu nhập dự trừ. (1 điểm)

- Câu 5. Lập báo cáo ngân lưu theo quan điểm tổng đầu tư (TIP). (1 điểm)
- Câu 6. Tính chi phí vốn bình quân trọng số (WACC) theo cơ cấu vốn năm 0 (1 điểm)
- Câu 7. Tính NPV theo quan điểm tổng đầu tư (TIP) và kết luận. (1 điểm)
- Câu 8. Tính thời gian hoàn vốn có chiết khấu (DPP) và kết luận. (1 điểm)

Đáp án Đề thi mẫu (2)
Môn: **THIẾT LẬP VÀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Phần I. LÝ THUYẾT (2 điểm)

Câu hỏi Đúng/ Sai (ghi “Đúng” nếu câu trả lời là đúng, ghi “Sai” nếu câu trả lời là sai và giải thích ngắn gọn).

1. SAI. Khấu hao không phải là một khoản thực chi và do vậy không được tính vào ngân lưu. Đây chỉ là một chi phí kế toán được khấu trừ để tính lợi nhuận chịu thuế và để phân bổ chi phí đầu tư cố định vào giá thành sản phẩm hàng năm.

2. SAI. Chi phí chìm là những chi phí đã chi ra trước khi có quyết định thực hiện dự án. Do đó, chi phí này sẽ không được tính vào ngân lưu dự án, bởi dự án có được thực hiện hay không thì chi phí này cũng đã chi ra rồi.

3. SAI. Những dự án loại trừ nhau không thể tiến hành đồng thời, việc quyết định thực hiện dự án này sẽ loại bỏ việc thực hiện dự án kia.

4. ĐÚNG. Trong phân tích tài chính, thuế như là một khoản chi phí phải trả cho nhà nước. Do đó, thuế là một hạng mục của ngân lưu ra.

PHẦN II. BÀI TẬP (8 điểm)

1. Bảng khấu hao (1 điểm)

(triệu đồng)

Khoản mục	0	1	2	3	4
Giá trị tài sản đầu kỳ		4000	3500	3000	2500
Khấu hao		500	500	500	500
Khấu hao tích lũy		500	1000	1500	2000
Giá trị tài sản cuối kỳ	4.000	3500	3000	2500	2000

2. Kế hoạch trả nợ gốc và lãi (1 điểm)

(triệu đồng)

	0	1	2	3	4
Lãi suất danh nghĩa	10,00%				
Nợ đầu kỳ		2.400	1.600	800	
Trả lãi		240,0	160,0	80,0	
Trả nợ, trong đó:		1.040,0	960,0	880,0	
Nợ gốc		800	800	800	
Nợ cuối kỳ	2.400	1.600	800	-	
Ngân lưu nợ vay	2.400	(1.040)	(960)	(880)	

Câu 3. Bảng tính doanh thu và chi phí hàng năm (1 điểm) (triệu đồng)

	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
Sản lượng (tấn)	80,00	80,00	80,00	80,00
Giá bán (ngàn đồng/kg)	50,00	51,50	53,05	54,64
Doanh thu (triệu đồng)	4.000,00	4.120,00	4.243,60	4.370,91
Chi phí điện nước (triệu đồng/tấn)	8,00	8,32	8,65	9,00
Chi phí tiền lương (triệu đồng/tấn)	10,00	10,50	11,03	11,58
Chi phí đầu vào khác (triệu đồng/tấn)	15,00	15,75	16,54	17,36
Tổng chi phí sản xuất (triệu đồng)	2.640,00	2.765,60	2.897,22	3.035,16

4. Báo cáo thu nhập dự trừ (1 điểm) (triệu đồng)

	1	2	3	4
Tổng doanh thu	4.000	4.120	4.244	4.371
(-) Chi phí SXTT	2.640	2.766	2.897	3.035
(-) Khấu hao	500	500	500	500
EBIT	860	854	846	836
(-) Trả lãi vay	240	160	80	-
EBT	620	694	766	836
Thuế thu nhập doanh nghiệp (22%)	136	153	169	184
Thu nhập ròng (NI)	484	542	598	652

5. Lập báo cáo ngân lưu theo quan điểm tổng đầu tư (TIP) (1 điểm)

Năm	0	1	2	3	4
Ngân lưu vào	0,0	4000,0	4120,0	4243,6	6370,9
Doanh thu		4.000	4.120	4.244	4.371
Giá trị thanh lý MMTB					2000,0
Ngân lưu ra	4000,0	2776,4	2918,4	3065,8	3219,0
Chi đầu tư	4.000				
Tổng chi phí sản xuất		2.640,0	2.765,6	2.897,2	3.035,2
Thuế TNDN		136	153	169	184
Ngân lưu ròng (TIPV)	-4000,0	1223,6	1201,6	1177,8	3151,9

6. Tính WACC theo cơ cấu vốn năm 0 (1 điểm)

WACC = $Re \cdot \%E + Rd \cdot \%D$	Re	%E	Rd	%D
=10,80%	12,0%	40,0%	10,0%	60,0%

7&8. Tính NPV (TIP) và kết luận (1 điểm); Tính DPP (TIP) và kết luận (1 điểm)

Năm	0	1	2	3	4
Ngân lưu ròng (TIPV)	-4000,0	1223,6	1201,6	1177,8	3151,9
Hệ số chiết khấu	1,00	0,90	0,81	0,74	0,66
PV	(4.000,00)	1.104,33	978,80	865,85	2.091,27
PV tích lũy	(4.000,00)	(2.895,67)	(1.916,87)	(1.051,02)	1.040,25

NPV (TIPV)	= 1.040,25	> 0	dự án khả thi xét trên tiêu chí NPV
DPP	$\frac{(1.051,02 * 12)}{2.091,27} = 6 \text{ tháng}$ Thời gian hoàn vốn DPP là 3 năm 6 tháng kể từ ngày hoạt động	> 3 năm	không khả thi
Dự án chỉ thực hiện khi thời gian hoàn vốn ≤ 3 năm, do đó dù dự án khả thi xét theo tiêu chí NPV nhưng vẫn ko được thực hiện khi có thời gian hoàn vốn lâu hơn so với yêu cầu.			
